

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 24-02-2020

V/v " ly hôn , tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy và bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 465/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc " ly hôn ,tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Đinh Thị A, sinh năm 1982

Nơi cư trú: T, phường T2, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Phùng Văn Nhân, sinh năm 1978

ĐKKHKT: A, phường AP, thị xã KM, tỉnh Hải Dương

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Đắc Trung (địa chỉ: Xã Eapam, huyện Cumgar, tỉnh Đắk Lắk).

(Chị A có mặt, anh N có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-12- 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đinh Thị A trình bày: Chị và anh Phùng Văn N được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là Ủy ban nhân dân phường A) vào ngày 04-01-2002. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không tu chí làm ăn sa đà vào cờ bạc, thiếu sự quan tâm

chăm sóc tới gia đình. Anh chị đã phải bán hết đất đai, nhà cửa để trả nợ cho anh N. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không nghe nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau không có hạnh phúc. Năm 2016 anh N thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình nên anh càng thiếu sự quan tâm đến gia đình nhiều hơn. Chị và các con phải đi thuê nhà ở đến năm 2017 thì về ở cùng với bố mẹ. Năm 2017 anh N bị đi chấp hành án về tội Đánh bạc tại trại giam Đắk Trung, tỉnh Đắk Lắk. Khi anh N bị giam chị có vào thăm gặp một lần sau đó không đến nữa. Thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh N. Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì xác định hai bên cũng không thể về đoàn tụ được.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phùng Thanh S, sinh ngày 24-9-2002 và Phùng Thanh D, sinh ngày 23-02-2006, kể từ khi vợ chồng sống ly thân các con đều ở cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con. Chị tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm nấu ăn tại trường mầm non Long Xuyên thu nhập hàng tháng ổn định là 5.000.000 đồng. Chị được bố mẹ hỗ trợ về nơi ở và giúp đỡ việc chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Do vậy chị đảm bảo được việc chăm sóc nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phùng Văn N trình bày: Anh chị được đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban N dân xã An Phú. Trước lúc kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ từ năm 2016 anh đi làm ăn ở Trung Quốc 1 năm mới về thăm gia đình một lần nên tình cảm vợ chồng không còn được như trước nữa. Chị A xin ly hôn anh đồng ý và không yêu cầu Tòa án hòa giải. Về con chung anh đồng ý giao cả hai cháu là Phùng Thanh S, sinh ngày 24-9-2002 và Phùng Thanh D, sinh ngày 23-02-2006 cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì hiện nay anh đang phải chấp hành án, nguyện vọng của anh sau này sẽ cố gắng làm ăn chu cấp cho các con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh đang chấp hành án nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại phiên tòa chị Đinh Thị A vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án và không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự tuy nhiên về việc giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát thị xã Kinh Môn còn chậm. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn Nvà gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị A được ly hôn anh Phùng Văn N.

Về con chung: Giao con chung là Phùng Thanh S, sinh ngày 24-9-2002 và Phùng Thanh D, sinh ngày 23-02-2006 cho chị Đinh Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A tự nguyện không yêu cầu anh Nphải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Tại phiên tòa bị đơn là anh Phùng Văn N đã có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Nhân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị A và anh Phùng Văn N được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thị xã KM, tỉnh Hải Dương) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Chị A xin ly hôn anh N đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị A và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn N gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị được ly hôn anh N là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phùng Thanh S, sinh ngày 24-9-2002 và Phùng Thanh D, sinh ngày 23-02-2006 kể từ khi vợ chồng sống ly thân các con đều đang ở cùng với chị A. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con. Mặt khác cháu S, cháu D đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ và anh N đồng ý giao các con cho chị A nuôi dưỡng. Nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống cũng như học tập của các cháu nên áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là Phùng Thanh S, sinh ngày 24-9-2002 và Phùng Thanh D, sinh ngày 23-02-2006 cho chị Đinh Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A về việc không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đinh Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị A được ly hôn anh Phùng Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Thanh S, sinh ngày 24-9-2002 và Phùng Thanh D, sinh ngày 23-02-2006 cho chị Đinh Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phùng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị A phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000465 ngày 10-12-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã KM;
- Đường sự;
- UBND phường An Phú, thị xã KM, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã KM;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt